

Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau

Mã số thuế

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán
2. Báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp
3. Báo cáo chi trả thuế
4. Báo cáo kết quả kinh doanh
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thông tin khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY
CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

457
CHI
NG
KIỂM
SAC
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ In Trần Ngọc Hy Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104556 đăng ký lần đầu ngày 21/10/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 5.200.000.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2022 là 5.200.000.000 VND.

2. Cấu trúc Công ty

Trụ sở của Công ty đặt tại số 98 Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104556 đăng ký lần đầu ngày 21/10/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11/5/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in ấn;
- Các dịch vụ bổ trợ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm cho nhiệm kỳ 2018 – 2023 bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Văn Khuôi	Chủ tịch	07/11/2022	
Ông Lê Thanh Hải	Chủ tịch	20/5/2018	07/11/2022
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên	20/5/2018	
Ông Lê Văn Khuôi	Thành viên	20/5/2018	07/11/2022
Ông Đỗ Minh Sự	Thành viên	20/5/2018	
Ông Trần Trung Liệt	Thành viên	20/5/2018	

Ông Lê Văn Khuôi thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 07/11/2022 theo Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 07/11/2022 thay cho Ông Lê Thanh Hải được miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 07/11/2022 theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 07/11/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm cho nhiệm kỳ 2018 – 2023 bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Đào Thị Anh Đào	Trưởng ban	20/5/2018	
Bà Đỗ Kim Hân	Kiểm soát viên	20/5/2018	
Ông Huỳnh Tuấn Khanh	Kiểm soát viên	20/5/2018	

6. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm trong năm 2022 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Văn Khuôi	Giám đốc	18/4/2017	
Ông Đỗ Minh Sự	Phó Giám đốc	18/4/2017	
Bà Đào Thị Anh Đào	Phó Giám đốc	18/4/2017	
Ông Đoàn Hoàng Nhanh	Kế toán trưởng	18/4/2017	

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 32.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ VĂN KHUÔI



Số: 45.22/2023/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Các cổ đông
Công Ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023 từ trang 6 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Phó Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 14 tháng 03 năm 2023

A blue ink signature of Trần Phương Yên.

Trần Phương Yên
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3601-2021-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.751.420.270	12.274.984.152	
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	7.238.429.487	6.279.450.186	
1. Tiền	111		2.238.429.487	2.779.450.186	
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	3.500.000.000	
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		3.180.712.155	2.993.913.690	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.025.448.165	923.852.947	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	351.172.726	47.972.726	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.930.768.117	2.148.764.870	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(126.676.853)	(126.676.853)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.6	3.291.044.255	2.993.458.611	
1. Hàng tồn kho	141		3.291.044.255	2.993.458.611	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		41.234.373	8.161.665	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	16.512.000	8.161.665	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.12	24.722.373	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.869.294.381	6.648.712.587	
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-	
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		3.512.823.054	5.448.712.587	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.512.823.054	5.448.712.587	
- Nguyên giá	222		31.894.628.137	31.363.519.864	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.381.805.083)	(25.914.807.277)	
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-	
- Nguyên giá	228		-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-	
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-	
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.250.000.000	1.200.000.000	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.250.000.000	1.200.000.000	
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-	
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		106.471.327	-	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	106.471.327	-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.620.714.651	18.923.696.739	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.811.138.230	3.025.818.407
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		2.811.138.230	3.025.818.407
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	107.963.645	244.959.009
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	16.168.093	35.717.493
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	698.982.628	944.581.787
4. Phải trả người lao động	314	V.13	1.488.750.680	1.346.392.406
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	35.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	406.585.982	433.294.189
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	92.687.202	(14.126.477)
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.809.576.421	15.897.878.332
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.17	15.809.576.421	15.897.878.332
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.200.000.000	5.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.200.000.000	5.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.147.950.675	4.855.849.219
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.461.625.746	5.842.029.113
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.461.625.746	5.842.029.113
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.620.714.651	18.923.696.739

Đoàn Hoàng Nhanh

Người lập

Đoàn Hoàng Nhanh

Kế toán trưởng

Lê Văn Khuôi

Giám Đốc

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số : B 02 - DN

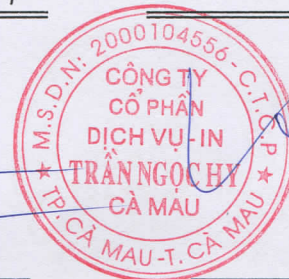
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		41.644.888.558	37.912.105.421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		78.155.913	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	41.566.732.645	37.912.105.421
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	29.238.764.068	25.393.894.220
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	12.327.968.577	12.518.211.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	149.902.209	155.526.687
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	421.371.804	629.505.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	5.290.443.370	4.852.713.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.766.055.612	7.191.519.286
11. Thu nhập khác	31	VI.5	128.638.519	180.079.167
12. Chi phí khác	32	VI.6	9.337.293	3.620.547
13. Lợi nhuận khác	40		119.301.226	176.458.620
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	V.17	6.885.356.838	7.367.977.906
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.423.731.092	1.525.948.793
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.17	5.461.625.746	5.842.029.113
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	10.503	9.568
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Đoàn Hoàng Nhanh
Người lập

Đoàn Hoàng Nhanh
Kế toán trưởng

Lê Văn Khuôi
Giám đốc
Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	44.959.183.141	42.304.936.669
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(19.052.127.595)	(15.196.260.040)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.997.865.980)	(12.566.339.930)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.575.948.793)	(1.163.952.393)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.519.805.456	2.149.891.471
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.696.444.718)	(9.394.866.704)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.156.601.511	6.133.409.073
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(929.950.074)	(2.274.027.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	99.590.465	95.716.137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(830.359.609)	(2.178.310.863)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.367.262.601)	(5.929.134.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.367.262.601)	(5.929.134.590)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	958.979.301	(1.974.036.380)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.279.450.186	8.253.486.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.238.429.487	6.279.450.186

Đoàn Hoàng Nhanh
Người lập

Đoàn Hoàng Nhanh
Kế toán trưởng

Lê Văn Khuôi
Giám đốc

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104556 đăng ký lần đầu ngày 21/10/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11/5/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 5.200.000.000 VND, tương ứng 520.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 VND và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty TNHH MTV XSKT Cà Mau	249.600	2.496.000.000	48,00%
- Cổ đông khác	270.400	2.704.000.000	52,00%
Cộng	520.000	5.200.000.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2022 là 5.200.000.000 VND và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ in.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in ấn;
- Các dịch vụ bổ trợ khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở của Công ty đặt tại số 98 Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 103 người.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 103 người.

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2022 được bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm dở dang trang in theo đơn đặt hàng.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường và theo đơn đặt hàng của từng đơn hàng. Các đơn hàng giá trị nhỏ thường chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung mà không bao gồm chi phí nhân công.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	02 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 07 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Năm 2022, Quỹ tiền lương của Công ty thực hiện theo đơn giá tiền lương năm 2020.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành do trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 18/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 31/3/2022.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

14. Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên sơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Tiền mặt	2.855.138	-	130.490.332	-
Tiền gửi ngân hàng	2.235.574.349	-	2.648.959.854	-
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-	3.500.000.000	-
Cộng	7.238.429.487	-	6.279.450.186	-

1.1. Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	5.000.000.000	-	3.500.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-	3.500.000.000	-

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.025.448.165	108.982.470	923.852.947	108.982.470
- Báo Cà Mau	-	-	187.731.000	-
- Cục Thuế Tỉnh Cà Mau	197.314.545	-	249.600.000	-
- Phòng khám Đa khoa Phương Nam	202.875.002	-	79.050.002	-
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	174.129.320	-	-	-
- Các khách hàng khác	451.129.298	108.982.470	407.471.945	108.982.470
Cộng	1.025.448.165	108.982.470	923.852.947	108.982.470

3. Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các tổ chức và cá nhân khác	351.172.726	-	47.972.726	-
- Công ty TNHH In Cát Tường Như Ý	307.800.000	-	-	-
- Nguyễn Phúc Khang	-	-	30.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	43.372.726	-	17.972.726	-
Cộng	351.172.726	-	47.972.726	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Dự nợ 138 – Phải thu khác	98.850.951	17.694.383	139.173.226	17.694.383
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	98.850.951	17.694.383	139.173.226	17.694.383
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	50.311.744	-	59.810.550	-
- Phải thu các đối tượng khác	48.539.207	17.694.383	79.362.676	17.694.383
Dự nợ 141 – Tạm ứng	143.992.380	-	90.334.037	-
Dự nợ 244 – Ký quỹ	187.630.500	-	318.963.320	-
- Ký quỹ cho Nhà xuất bản tại NH Vietinbank	182.110.500	-	318.963.320	-
- Ký quỹ tại các đơn vị khác	5.520.000	-	-	-
Dự nợ 3388 – Các khoản PT khác	1.500.294.286	-	1.600.294.287	-
- Tạm ứng cổ tức	1.217.652.982	-	1.298.829.846	-
<i>Cổ tức của các bên liên quan</i>	720.000.000	-	768.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau	720.000.000	-	768.000.000	-
<i>Cổ tức của các cổ đông khác</i>	497.652.982	-	530.829.846	-
- Phải thu khác	282.641.304	-	301.464.441	-
Cộng	1.930.768.117	17.694.383	2.148.764.870	17.694.383

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dự nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

Khoản mục	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
+ Phải thu NH khách hàng	108.982.470	108.982.470	-
+ Phải thu NH khác	17.694.383	17.694.383	-
Cộng	126.676.853	126.676.853	-

Chi tiết số dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

	Nợ khó đòi	Số đã trích lập dự phòng	Số chưa trích lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	108.982.470	108.982.470	-
- Sở Lao động Thương binh Xã hội Cà Mau	1.050.000	1.050.000	-
- Siêu Thị Cà Mau	1.075.000	1.075.000	-
- Ông Hùng – Bạc Liêu	2.750.000	2.750.000	-
- Phòng Giáo dục U Minh	750.000	750.000	-
- Công An Tỉnh Cà Mau	14.705.500	14.705.500	-
- Doanh nghiệp Hoàng Tâm	17.550.000	17.550.000	-
- Sở Khoa học Công nghệ Môi Trường Cà Mau	42.471.970	42.471.970	-
- Công ty TNHH Xe khách Hoàng Xuân	9.200.000	9.200.000	-
- Việt Nhân – SLĐT BXH Cà Mau	360.000	360.000	-
- DNTN Quốc Chính Thắng	12.500.000	12.500.000	-
- Ông Tính – PGD Huyện U Minh	920.000	920.000	-
- Công ty TNHH MTV TMDV Đăng Quang	5.650.000	5.650.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	17.694.383	17.694.383	-
- Huỳnh Minh Cường (Ông Ba Cư)	5.561.300	5.561.300	-
- Ngô Bình Phương	12.133.083	12.133.083	-
Cộng	126.676.853	126.676.853	-

Nợ khó đòi nêu trên đều được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	126.676.853	126.676.853
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>126.676.853</u>	<u>126.676.853</u>

6. Hàng tồn kho

<i>Khoản mục</i>	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	3.004.140.374	6.1	2.668.077.563
Công cụ, dụng cụ trong kho	133.665.204		113.870.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	153.238.677	6.2	208.601.447
Thành phẩm	-	6.3	2.908.990
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>3.291.044.255</u>		<u>2.993.458.611</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-		-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>3.291.044.255</u>		<u>2.993.458.611</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

6.1. Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu chính	1.384.994.731	1.156.809.944
- Nguyên vật liệu phụ	1.600.272.060	1.494.510.568
- Nhiên liệu	18.873.583	16.757.051
Cộng	<u>3.004.140.374</u>	<u>2.668.077.563</u>

6.2. Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trang in dở dang các loại theo đơn đặt hàng	153.238.677	208.601.447
Cộng	<u>153.238.677</u>	<u>208.601.447</u>

6.3. Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thành phẩm trang in theo đơn đặt hàng	-	2.908.990
Cộng	<u>-</u>	<u>2.908.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí trả trước

7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

<i>Khoản mục</i>	<u><i>Số cuối năm</i></u>	<u><i>Số đầu năm</i></u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	16.512.000	8.161.665
Cộng	<u>16.512.000</u>	<u>8.161.665</u>

7.2. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Khoản mục</i>	<u><i>Số cuối năm</i></u>	<u><i>Số đầu năm</i></u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	106.471.327	-
Cộng	<u>106.471.327</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CA MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.662.963.915	26.994.939.683	1.705.616.266	31.363.519.864
Mua trong năm	-	704.074.074	-	704.074.074
Thanh lý, nhượng bán	-	(172.965.801)	-	(172.965.801)
Số cuối năm	2.662.963.915	27.526.047.956	1.705.616.266	31.894.628.137
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	2.629.523.785	22.817.693.748	467.589.744	25.914.807.277
Khấu hao trong năm	13.376.000	2.350.035.228	276.552.379	2.639.963.607
Thanh lý, nhượng bán	-	(172.965.801)	-	(172.965.801)
Số cuối kỳ	2.642.899.785	24.994.763.175	744.142.123	28.381.805.083
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	33.440.130	4.177.245.935	1.238.026.522	5.448.712.587
Số cuối năm	20.064.130	2.531.284.781	961.474.143	3.512.823.054

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.505.930.700 VND (số đầu năm là 19.121.578.319 VND)
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2022 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Trích chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022	2.639.963.607
Cộng	<u>2.639.963.607</u>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang TSCĐ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quyền sử dụng đất đang chờ hoàn tất thủ tục sang tên	1.200.000.000	50.000.000	-	1.250.000.000
Cộng	<u>1.200.000.000</u>	<u>50.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.250.000.000</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên có liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và các cá nhân khác	107.963.645	244.959.009
- Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	62.040.000	-
- Công ty TNHH Thành Phát Thiên Ân	-	110.000.000
- Các nhà cung cấp khác	45.923.645	134.959.009
Cộng	<u>107.963.645</u>	<u>244.959.009</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên có liên quan trả tiền trước	-	-
Các tổ chức và các cá nhân khác trả tiền trước	16.168.093	35.717.493
Cộng	<u>16.168.093</u>	<u>35.717.493</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>
- Thuế GTGT	-	464.699.595	1.968.801.610	2.058.249.669	-	375.251.53
- Thuế TNDN	-	475.948.793	1.423.731.092	1.575.948.793	-	323.731.09
- Thuế TNCN	-	3.933.399	224.235.024	252.890.796	24.722.373	-
- Các loại thuế khác	-	-	2.000.000	2.000.000	-	-
Cộng	-	<u>944.581.787</u>	<u>3.618.767.726</u>	<u>3.889.089.258</u>	<u>24.722.373</u>	<u>698.982.62</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.885.356.838	7.367.977.906
- Các khoản điều chỉnh tăng	233.298.623	261.766.058
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.118.655.461	7.629.743.964
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	7.118.655.461	7.629.743.964
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.423.731.092	1.525.948.793
Thuế TNDN được giảm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.423.731.092	1.525.948.793

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả CBCNV	1.488.750.680	1.346.392.406
Cộng	1.488.750.680	1.346.392.406

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ phải trả	-	35.000.000
Cộng	-	35.000.000

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên có liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	406.585.982	433.294.189
- KPCĐ	117.351.761	108.865.116
- BHXH, BHYT, BHTN	1.876.107	1.874.560
- Thù lao HĐQT và BKS	266.300.420	300.946.717
- Phải trả khác	21.057.694	21.607.796
Cộng	406.585.982	433.294.189

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

<i>Khoản mục</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Quỹ khen thưởng CBCNV	92.687.202	(14.126.477)
Cộng	92.687.202	(14.126.477)

Chi tiết phát sinh các Quỹ như sau:

Quỹ khen thưởng của CNCNV	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số đầu năm	(14.126.477)	295.188.484
- Tăng do trích lập trong năm	866.730.346	1.577.348.966
- Chi quỹ trong năm	(759.916.667)	(1.886.663.927)
Tồn quỹ cuối năm	92.687.202	(14.126.477)
Quỹ khen thưởng của Ban điều hành	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số đầu năm	-	-
- Tăng do trích lập trong năm	-	261.263.927
- Chi quỹ trong năm	-	(261.263.927)
Tồn quỹ cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC CHY CÁ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	5.200.000.000	4.455.665.874	8.003.666.900	17.659.332.774
Lợi nhuận trong năm trước	-		5.842.029.113	5.842.029.113
Trích quỹ đầu tư phát triển		400.183.345	(400.183.345)	(400.183.345)
Trích quỹ khen thưởng BĐH và BKS			(261.263.927)	(261.263.927)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV			(1.313.085.039)	(1.313.085.039)
Chia cổ tức			(6.029.134.589)	(6.029.134.589)
Số dư cuối năm trước	5.200.000.000	4.855.849.219	5.842.029.113	15.897.878.332

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	5.200.000.000	4.855.849.219	5.842.029.113	15.897.878.332
Lợi nhuận trong năm nay	-		5.461.625.746	5.461.625.746
Trích quỹ đầu tư phát triển		292.101.456	(292.101.456)	-
Trích quỹ khen thưởng BĐH và BKS			-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho CBCNV			(866.730.346)	(866.730.346)
Chia cổ tức			(4.683.197.311)	(4.683.197.311)
Số dư cuối năm nay	5.200.000.000	5.147.950.675	5.461.625.746	15.809.576.421

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty TNHH MTV XSKT Cà Mau	48,00	2.496.000.000	48,00	2.496.000.000
Các cổ đông khác	52,00	2.704.000.000	52,00	2.704.000.000
Cộng	100,00	5.200.000.000	100,00	5.200.000.000

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	5.200.000.000	5.200.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	5.200.000.000	5.200.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.683.197.311	6.029.134.589

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	520.000	520.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	520.000	520.000
▪ Cổ phiếu thường	520.000	520.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	520.000	520.000
▪ Cổ phiếu thường	520.000	520.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán khoán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu in ấn	37.807.172.008	25.334.878.479	12.472.293.529	32,99%
- Doanh thu khác	104.933.413	59.015.741	45.917.672	43,76%
Doanh thu thuần	37.912.105.421	25.393.894.220	12.518.211.201	33,02%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.1.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan năm trước – Công ty TNHH MTV Xổ số Cà Mau

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán khoán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu in ấn	26.248.499.999	20.309.297.707	5.939.202.292	22,63%
Doanh thu thuần	26.248.499.999	20.309.297.707	5.939.202.292	22,63%

1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán khoán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu in ấn	41.407.125.803	29.170.232.911	12.236.892.892	29,55%
- Doanh thu khác	159.606.842	68.531.157	91.075.685	57,06%
Doanh thu thuần	41.566.732.645	29.238.764.068	12.327.968.577	29,66%

1.2.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan năm nay – Công ty TNHH MTV Xổ số Cà Mau

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán khoán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu in ấn	30.432.439.817	22.482.527.582	7.949.912.235	26,12%
Doanh thu thuần	30.432.439.817	22.482.527.582	7.949.912.235	26,12%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	149.902.209	155.526.687
Cộng	149.902.209	155.526.687

3. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Hoa hồng bán hàng	239.679.677	424.366.994
- Chi phí bằng tiền khác	181.692.127	205.138.186
Cộng	421.371.804	629.505.180

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.636.956.378	2.479.223.025
- Chi phí khấu hao TSCĐ	202.396.368	202.396.368
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.950.119	4.977.277
- Chi phí khác	2.448.140.505	2.166.116.752
Cộng	5.290.443.370	4.852.713.422

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu thanh lý TSCĐ	34.259.260	118.109.077
- Chi thanh lý TSCĐ	-	-
Lãi từ thanh lý TSCĐ	34.259.260	118.109.077
Thu bán giấy vụn, phế liệu	94.379.259	61.970.090
Cộng	128.638.519	180.079.167

6. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phạt thuế bị truy thu và chậm nộp	64.819	-
- Chi phí khác	9.272.474	3.620.547
Cộng	9.337.293	3.620.547

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

7.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lợi nhuận sau thuế	5.461.625.746	5.842.029.113
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(866.730.346)
Lợi nhuận sau thuế tính lãi CBTCP	5.461.625.746	4.975.298.767
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	520.000	520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.503	9.568

7.2. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 giảm từ 11.235 VND/CP xuống còn 9.568 VND/CP.

Riêng năm 2022, do chưa xác định được Quỹ khen thưởng phúc lợi được phép trích lập nên tạm tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên vật liệu	11.042.278.287	8.564.598.415
- Chi phí nhân công	14.990.373.954	14.282.658.331
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.639.963.607	3.307.142.171
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	645.246.788	361.313.730
- Chi phí khác	4.026.132.860	3.925.818.034
Cộng	33.343.995.496	30.441.530.681

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

2. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	392.602.193	773.516.560
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	1.609.265.643	1.371.078.862
- Thu nhập của Ban kiểm soát	76.344.526	164.380.456
Tổng thu nhập	2.078.212.362	2.308.975.878

b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Cà Mau	Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - IN TRẦN NGỌC HY CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công nợ với các bên liên quan khác: không có

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Cà Mau		
- Doanh thu bán hàng (không bao gồm thuế VAT)	30.432.439.817	26.248.499.999
- Thu tiền bán hàng và thuế (bao gồm cả thuế VAT)	32.930.535.000	28.868.350.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in ấn. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



ĐOÀN HOÀNG NHANH



ĐOÀN HOÀNG NHANH

LÊ VĂN KHUÔN

